

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/HNGĐ-ST

Ngày 25-5-2021

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Hiền

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hiền.

2. Ông Nguyễn Thế Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Trà- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 92/2021/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trang Thị Ước N, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp H, huyện G, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1972; Địa chỉ: Khu phố T, phường H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:

Bà Trang Thị Ước N và ông Nguyễn Đình T tự N chung sống với nhau từ năm 2016, có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Ông bà có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 06 ngày 23/01/2017.

Quá trình chung sống giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống và cách sống dẫn đến vợ chồng không hiểu nhau, không cảm thông cho nhau, thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn quan tâm, chia sẻ, chăm sóc lẫn nhau. Năm 2018, ông T phải chấp hành án tù, thời gian đó, một mình bà phải nuôi con nên khi có người đàn ông khác giúp đỡ và lo cho hai mẹ con bà nên bà N đã có quan hệ tình cảm với người đàn ông đó. Khi ông T

chấp hành án trở về, bà N và ông T đã hàn gắn tình cảm vợ chồng và chung sống lại với nhau. Nhưng từ khi đó ông T kiểm soát, ghen tuông vô cớ, đánh đập bà N. Bà N đi đâu ông T cũng kiểm tra, giám sát, lục soát điện thoại của bà N, vi phạm quyền cá nhân của bà N.

Hiện nay bà N và ông T vẫn đang sống chung một nhà, ông T có đe dọa bà N nếu bà N bỏ ra ngoài sống thì ông T sẽ giết chết bà N, nên bà N không dám rời khỏi nhà.

Bà N không muốn sống cùng ông T nữa, bởi bà rất sợ cảnh ông T ghen tuông đánh đập bà. Bà nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Đình T.

Về con chung: Bà Trang Thị Ước N và ông Nguyễn Đình T có 01 con chung là Nguyễn Trang Thảo N, sinh ngày 27/4/2017. Bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18) tuổi. Và tự N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn trình bày:

Về điều kiện kết hôn, con chung ông T xác nhận lời trình bày của bà N là đúng nên ông T không bổ sung gì thêm.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Ông T cũng xác nhận giữa ông và bà N có nhiều mâu thuẫn về quan điểm sống và cách sống dẫn đến vợ chồng không hiểu nhau, không cảm thông cho nhau. Tuy nhiên chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất trong gia đình. Bà N trước khi đến với ông đã có chồng và 1 người con riêng. Ông T đã nuôi con riêng của bà N từ nhỏ đến nay.

Năm 2018 vì ông T vi phạm pháp luật nên phải đi chấp hành án. Trong thời gian ông đi chấp hành án, bà N đã có người đàn ông khác. Khi ông chấp hành án xong trở về, ông bỏ qua và tha thứ hết mọi lỗi lầm của bà N. Vợ chồng làm lại từ đầu, ông T tự nhận thấy hoàn toàn không có lỗi gì với vợ con. Ông T trình bày việc ông T kiểm soát điện thoại và giờ giấc của bà N là vì ông muốn kiểm tra bà N đã hoàn toàn từ bỏ người đàn ông đó chưa. Ông T cũng xác nhận việc ông có đánh bà N nhưng không phải vì ghen tuông mà vì bà N có thái độ hỗn hào với gia đình bên ngoại.

Nay, trước yêu cầu xin ly hôn của bà N, ông T không đồng ý vì ông T còn thương vợ thương con.

Về con chung: Ông T xác nhận giữa ông và bà N có 01 con chung là Nguyễn Trang Thảo N, sinh ngày 27/4/2017. Ông T không đồng ý giao con cho cô N chăm sóc nuôi dưỡng vì ông không muốn ly hôn và muốn vợ chồng cùng nhau chăm sóc con cái.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông T.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của bà N. Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N, ông T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Buộc bà N phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn đang cư trú tại thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ theo khoản 1 điều 28 và điểm a khoản 1 điều 35, Điều 36, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Qua thời gian quen biết và tìm hiểu nhau, bà Trang Thị Ước N và ông Nguyễn Đình T tiến tới hôn nhân chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2016 trên cơ sở hoàn toàn tự N. Bà N, ông T đăng ký kết hôn tại xã H, huyện G, tỉnh K, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 06 ngày 23/01/2017. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà N xác định không còn tình cảm với ông T nữa. Cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do hai vợ chồng bất đồng về tính cách, quan điểm sống, không hiểu nhau nên dẫn đến thường xuyên cãi vã và xô xát nhau, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, bà N xác nhận bà trong thời gian ông T chấp hành án tù, bà N đã có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, khi ông T trở về đã ép buộc bà N phải quay về chung sống với ông T. Vì sợ ông T nên bà N phải nghe theo lời ông T. Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải để vợ chồng bà N ông T đoàn tụ nhưng bà N đều không đồng ý đoàn tụ. Tại phiên tòa ông T cũng xác nhận việc ông T không cho bà N sử dụng điện thoại, có kiểm soát giờ giấc sinh hoạt và có đánh đập bà N. Tuy nhiên kể từ khi Tòa án

mời hòa giải đến nay, ông T không còn hành động như vậy nữa. Tại buổi hòa giải ngày 29/4/2021 ông T vắng mặt không có lý do, điều này chứng tỏ ông T không có thiện chí hòa giải. Riêng bà N vẫn cương quyết và có N vọng được ly hôn với ông T. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng bà N, ông T đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của bà N với ông T.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà N, ông T có 01 người con chung là Nguyễn Trang Thảo N, sinh ngày 27/4/2017. Bà N có N vọng được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà N tự N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên ông T không đồng ý với lý do ông không đồng ý ly hôn, ông muốn cả vợ chồng cùng nhau chăm sóc con.

Ông T lấy lý do muốn cả vợ chồng cùng chăm sóc con cái là không phù hợp bởi lẽ, sau khi ly hôn chỉ chấm dứt quan hệ hôn nhân của bà N và ông T. Ông T và bà N vẫn là cha mẹ của cháu N nên có quyền và nghĩa vụ chăm sóc cháu Nguyên như nhau. Sau ly hôn, bà N và ông T vẫn có thể cùng nhau chăm sóc con chung. Xét hiện nay cháu N vẫn đang trực tiếp ở với bà N và ông T. Cháu N tính đến thời điểm xét xử chỉ mới 4 tuổi, lại là con gái, vì thế Hội đồng xét xử thấy cần thiết tiếp tục giao cháu N cho bà N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là có căn cứ.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N, ông T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trang Thị Ước N. Bà Trang Thị Ước N được ly hôn với ông Nguyễn Đình T.

2. Về con chung: Bà Trang Thị Ước N và ông Nguyễn Đình T có 01 con chung là Nguyễn Trang Thảo N, sinh ngày 27/4/2017. Giao con chung là Nguyễn Trang Thảo N, sinh ngày 27/4/2017 cho bà Trang Thị Ước N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Buộc ông Nguyễn Đình T phải giao con chung là Nguyễn Trang Thảo N, sinh ngày 27/4/2017 cho bà Trang Thị Ước N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Đình T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc

thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trang Thị Ước N tự N không yêu cầu ông Nguyễn Đình T cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trang Thị Ước N và ông Nguyễn Đình T không yêu cầu Tòa án giải quyết

5. Về án phí hôn nhân gia đình: Bà Trang Thị Ước N phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006350 ngày 10/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ. Như vậy bà N đã nộp xong án phí .

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TX Phú Mỹ;
- Chi cục THADS TX Phú Mỹ;
- NĐKKH: UBND H, huyện G, tỉnh Kiên Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Văn Thị Hiền

